

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2024/DS-ST

Ngày: 12 - 8 - 2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Ngọc Đông;

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thuý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Đặng Thành Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 48/2024/TLST-DS ngày 01/3/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2024/QĐXXST-DS ngày 15/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 165/2024/QĐST-DS ngày 16/7/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần Q

Địa chỉ: B - 28D phố B, phường H, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thanh H – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lôi Quốc D – CVCC Tổ tụng (Theo giấy uỷ quyền số 92/2023/UQ-NCB ngày 19/6/2023)

*** Bị đơn:** Ông Ngô Văn C, sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ A, khu V, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

(Tại phiên tòa, ông D có đơn xin xét xử vắng mặt; ông C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần Q** - do ông **Lôi Quốc D** là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (N) và ông **Ngô Văn C** có ký kết hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số: 027/18/HĐCV-9313 ngày 11/01/2018 Số tiền vay: 328.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm hai mươi tám triệu đồng); Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô tải nhãn hiệu HYUNDAI GRAND I10; Thời hạn vay: 84 tháng; Lãi suất trong hạn: Lãi suất kỳ đầu tiên: Lãi suất vay (LSV) kể từ ngày giải ngân cho đến ngày 12/9/2018 là 9,2%/năm; Lãi suất kỳ tiếp theo: Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của khách hàng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức LSV bằng (=) Lãi suất cơ sở tại thời điểm điều chỉnh lãi suất (+) 3,8%/năm; Lãi quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Lãi suất chậm trả lãi: Bằng 10%/năm (365 ngày) tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

N đã giải ngân vốn vay và ông **Ngô Văn C** đã nhận nợ toàn bộ số tiền nêu trên theo Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số: 027/18/HĐCV-9313 ngày 11/01/2018

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên ông **Ngô Văn C1** ký Hợp đồng thế chấp ô tô số 027/18/HĐTC-9313 ngày 11/01/2018. Tài sản thế chấp là: Xe Ô tô hiệu HYUNDAI; Số loại: GRAND I10; Biển kiểm soát: 77A-094.52, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 019525 do Phòng CSGT **Công an tỉnh B** cấp ngày 05/01/2018 cho ông **Ngô Văn C**. Tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 11/01/2018 theo đúng quy định của Pháp luật.

Trong quá trình vay vốn đến nay, ông **Ngô Văn C** vi phạm nghĩa vụ trả nợ và đã phát sinh nợ quá hạn cụ thể: Khoản vay của ông **Ngô Văn C** được giải ngân từ ngày 12/01/2018, số tiền vay là 328.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng. Quá trình khách hàng vay vốn ông **C** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi từ ngày 25/8/2018. Ngày trả nợ cuối cùng của ông **C** là ngày 26/3/2020 với số tiền gốc 20 đồng.

Tạm tính đến hết ngày 12/8/2024, ông **Ngô Văn C** còn nợ **N** số tiền: Nợ gốc: 226.469.980 đồng; Nợ lãi trong hạn: 70.530.781 đồng; Nợ lãi quá hạn: 93.057.586 đồng; Nợ lãi chậm trả lãi: 20.224.407 đồng. Tổng nợ: 412.282.754 đồng (Bốn trăm mười hai triệu, hai trăm tám hai nghìn, bảy trăm năm mươi bốn đồng).

N đã nhiều lần làm việc đề nghị ông Ngô Văn C trả nợ vay nhưng ông không thực hiện nghĩa vụ. Do đó, NCB yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Ngô Văn C phải trả cho Ngân hàng TMCP Q1 tiền tạm tính đến ngày 12/8/2024 tổng cộng 412.282.754 đồng (Bốn trăm mười hai triệu, hai trăm tám hai nghìn, bảy trăm năm mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc: 226.469.980 đồng; Nợ lãi trong hạn: 70.530.781 đồng; Nợ lãi quá hạn: 93.057.586 đồng; Nợ lãi chậm trả lãi: 20.224.407 đồng.

- Buộc ông Ngô Văn C phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh được quy định tại các Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ đã ký với N kể từ ngày 13/8/2024 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ

- Trường hợp ông Ngô Văn C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên N được yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo. Tài sản đảm bảo là: Xe Ô tô hiệu HYUNDAI; Số loại: GRAND I10; Biển kiểm soát: 77A-094.52, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 019525 do Phòng CSGT Công an tỉnh B cấp ngày 05/01/2018 cho ông Ngô Văn C.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mãi các tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, ông Ngô Văn C phải tiếp tục thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh cho NCB theo các hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ đã ký.

- Ông Ngô Văn C phải chịu mọi chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết tại Tòa án.

- Bị đơn ông Ngô Văn C: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa triệu tập, thông báo ông C đến để làm việc và thực hiện các thủ tục tố tụng khác nhưng ông C không đến tòa nên tòa án tiến hành giải quyết theo quy định pháp luật.

*/ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70 và 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70 và 72 BLTTDS.

Về hướng giải quyết vụ án, áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 463, 466, 470 BLDS 2015, Thông tư 18/VBHN-NHNN ngày 12/7/2023 của Ngân hàng N1 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q.

- Buộc ông Ngô Văn C có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP P số tiền gốc và lãi tính đến ngày 12/8/2024 với tổng số tiền là 412.282.754 đồng, trong đó: Nợ

gốc: 226.469.980 đồng, nợ lãi trong hạn: 72.530.781 đồng, nợ lãi quá hạn: 93.057.586 đồng, nợ lãi chậm trả: 20.224.470 đồng

- Ông **Ngô Văn C** còn phải trả các khoản lãi phát sinh từ ngày 13/8/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Điều khoản của **Ngân hàng TMCP Q**.

- Trong trường hợp ông **Ngô Văn C** không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nợ thì Ngân hàng được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo: Xe ô tô tải nhãn hiệu Hyundai Grand I10 1.0MT, số chỗ ngồi: 05; màu sơn: Trắng, số khung: RLUG7W1CAHN004561, số máy: G3LAHM387743, biển kiểm soát: 77A-094.52, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 019525 do Phòng CSGT **Công an tỉnh B** cấp ngày 05/01/2018 cho ông **Ngô Văn C** căn cứ Hợp đồng thế chấp ô tô số 027/18/HĐTC-9313 ngày 11/01/2018.

- Ông **Ngô Văn C** phải hoàn trả số tiền chi phí thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng cho **ngân hàng TMCP Q**

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần Q** - do ông **Lôi Quốc D** là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông **Ngô Văn C** mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Bị đơn đang cư trú tại **Tổ A**, khu vực 2, **phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định** nên xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự

[3] Về nội dung vụ án:

Ngày 11/01/2018 **Ngân hàng TMCP Q** và ông **Ngô Văn C** ký Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số: 027/18/HĐCV-9313 ngày 11/01/2018. Số tiền vay: 328.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm hai mươi tám triệu đồng); Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô tải nhãn hiệu HYUNDAI GRAND I10; Thời hạn vay: 84 tháng; Lãi suất trong hạn: Lãi suất kỳ đầu tiên: Lãi suất vay (LSV) kể từ ngày giải ngân cho đến ngày 12/9/2018 là 9,2%/năm; Lãi suất kỳ tiếp theo: Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của khách hàng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức LSV bằng (=) Lãi suất cơ sở tại thời điểm điều

chính lãi suất (+) 3,8%/năm; Lãi quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Lãi suất chậm trả lãi: Bằng 10%/năm (365 ngày) tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Do đó, có căn cứ để HĐXX xác định hợp đồng nói trên là hợp pháp, bởi lẽ các chủ thể tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận và hình thức giao dịch hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi từ ngày 25/8/2018. Ngày trả nợ cuối cùng của ông C là ngày 26/3/2020 với số tiền gốc 20 đồng. Tạm tính đến hết ngày 12/8/2024, ông Ngô Văn C còn nợ N số tiền: Nợ gốc: 226.469.980 đồng; Nợ lãi trong hạn: 70.530.781 đồng; Nợ lãi quá hạn: 93.057.586 đồng; Nợ lãi chậm trả lãi: 20.224.407 đồng. Tổng nợ: 412.282.754 đồng (Bốn trăm mười hai triệu, hai trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm năm mươi bốn đồng). Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân TP Quy Nhơn giải quyết: Buộc ông Ngô Văn C trả cho Ngân hàng khoản nợ trên, căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự, Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận.

Xét khoản tiền mà bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn được đảm bảo bởi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp ô tô số 027/18/HĐTC-9313 ngày 11/01/2018 mô tả như sau: Xe Ô tô hiệu HYUNDAI; Số loại: GRAND I10; Biển kiểm soát: 77A-094.52, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 019525 do Phòng CSGT Công an tỉnh B cấp ngày 05/01/2018 cho ông Ngô Văn C. Tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 11/01/2018 theo đúng quy định của Pháp luật để vay vốn là phù hợp theo quy định tại các Điều 292, 298, 463 BLDS 2015. Nếu ông Ngô Văn C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì N được yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

[4] Án phí Dân sự sơ thẩm: Ông C phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 tiền 412.282.754 đồng nên ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Q được Tòa chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí. H1 lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH2016 ngày 30.12.2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP Q**:

1.1. Buộc ông **Ngô Văn C** phải có trách nhiệm trả cho **Ngân hàng TMCP Q** tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/8/2024 tổng cộng 412.282.754 đồng (*Bốn trăm mười hai triệu, hai trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm năm mươi bốn đồng*), trong đó nợ gốc: 226.469.980 đồng; Nợ lãi trong hạn: 70.530.781 đồng; Nợ lãi quá hạn: 93.057.586 đồng; Nợ lãi chậm trả lãi: 20.224.407 đồng.

1.2. Ông **Ngô Văn C** phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh được quy định tại các Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ đã ký với **N** kể từ ngày 13/8/2024 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ

1.3. Trường hợp ông **Ngô Văn C** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên **N** được yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo. Tài sản đảm bảo là: Xe Ô tô hiệu HYUNDAI; Số loại: GRAND I10; Biển kiểm soát: 77A-094.52, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 019525 do Phòng CSGT **Công an tỉnh B** cấp ngày 05/01/2018 cho ông **Ngô Văn C**.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mãi các tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, ông **Ngô Văn C** phải tiếp tục thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh cho NCB theo các hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ đã ký.

2. Về án phí DSST:

2.1. **Ngân hàng TMCP Q** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho **Ngân hàng TMCP Q1** tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.398.798 đồng (*Tám triệu ba trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm chín mươi tám đồng*) theo biên lai số 0000541 ngày 01/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

2.2. Ông **Ngô Văn C** phải chịu 20.491.310 đồng (*Hai mươi triệu bốn trăm chín mươi nghìn ba trăm mười đồng*);

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ông **Ngô Văn C** có nghĩa vụ hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP Q** 3.000.000 đồng.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Ngân hàng TMCP Q và ông Ngô Văn C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND, CCTHADS Tp Quy Nhơn;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tài